TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 175/2022/QĐST-HNGĐ	*Cầu Giấy, ngày 24 tháng 05 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 171/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Nguyên đơn: **Anh Trần Đức T**, sinh năm 1966

Bị đơn: **Chị Khuất Minh H**, sinh năm 1973

Cùng trú tại: Số 39 ngách 269/22 Lạc Long Quân, tổ 1 phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 05 năm 2022

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sựt ự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiên về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Trần Đức T,** ***sinh năm 1966***

Bị đơn: **Chị Khuất Minh H,** ***sinh năm 1973***

Địa chỉ: Số 39 ngách 269/22 Lạc Quân Quân, tổ 1 phường Nghĩa Đô,

Cầu Giấy, Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức T và chị Khuất Minh H thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh Trần Đức T và chị Khuất Minh H thống nhất có 02 (Hai) con chung tên là cháu Trần Đức Huy H, sinh năm 1998 và Trần Đức Hà M, sinh ngày 12/09/2003. Hai cháu đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung (Động sản và bất động sản, nhà ở): Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ: Anh Trần Đức T và chị Khuất Minh H cùng thống nhất anh chị không vay nợ ai và không ai nợ gì anh chị. Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Anh Trần Đức T phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đông*). Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của chị H là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đông*). Tổng cộng là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0018319 ngày 04/04/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Nay chuyển thành án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- VKSND quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- UBND phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;
(Trích lục kết hôn: Giấy chứng nhận kết hôn số 45/1998 ngày 11/05/1998);
- Các đương sự;
- Lưu VP; Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

VŨ THỊ THU HẰNG